

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 13 tháng 04 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,000	283	5,660,000
Được chi trong ngày					5,660,000
Đã chi trong ngày					5,660,000
1. Dịch vụ					424,500
1	chất đốt		1,500	283	424,500
2. Kho					836,270
 Ăn chính					836,270
1	Gạo tẻ	Kg	15,500	22.5	348,750
2	Dầu lạc	Kg	120,000	1.4	168,000
3	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.6	44,400
4	Bột canh	Gói	4,000	4	16,000
5	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.56	34,720
6	Dầu simply	Lít	68,000	3.3	224,400
3. Đi chợ					4,399,230
 Ăn chính					4,399,230
1	Đậu xanh	Kg	50,000	1	50,000
2	Cà chua	Kg	15,000	3	45,000
3	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	3	75,000
4	Giá đậu xanh	Kg	18,000	12	216,000
5	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.3	10,500
6	Rau mùi tàu	Kg	1,000	0.13	130
7	Rau mồng tơi	Kg	15,000	4.3	64,500
8	Thịt bò loại I	Kg	240,000	8.9	2,136,000
9	Thịt gà ta	Kg	130,000	2	260,000
10	Tôm biển	Kg	170,000	2	340,000
11	Đậu Phụ	Kg	25,000	10	250,000
12	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000
13	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	2	260,000
14	Ngô nếp luộc	Bắp	2,500	250	625,000
15	Gia vị bò kho sốt vang	Gói	7,000	4	28,000
16	Gừng tươi	Kg	40,000	0.1	4,000
17	Lá chanh	Kg	1,000	0.1	100
Chênh lệch cuối ngày					0

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo

